



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÙNG VƯƠNG (BHV)

126 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM - Hotline 1900 63 3535

QUY TẮC BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 0178/2018/QĐ-TGD-NV ngày 28 tháng 12 năm 2018
của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hợp đồng bảo hiểm

Hợp đồng/ Giấy chứng nhận bảo hiểm vật chất xe cơ giới do Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương (BHV) cấp là sự thỏa thuận giữa chủ xe cơ giới và BHV, theo đó chủ xe cơ giới phải đóng đủ phí bảo hiểm và đúng hạn theo quy định trong Hợp đồng/Giấy chứng nhận, BHV phải bồi thường cho chủ xe cơ giới khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản, bao gồm: Quy tắc; Điều khoản; Giấy yêu cầu bảo hiểm có chữ ký của chủ xe hoặc người đại diện hợp pháp của chủ xe (nếu có) Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; Sửa đổi bổ sung và các thỏa thuận khác (nếu có)...

Điều 2. Hiệu lực bảo hiểm

1. Hiệu lực bảo hiểm bắt đầu và kết thúc được ghi trên Hợp đồng /Giấy chứng nhận bảo hiểm với điều kiện chủ xe cơ giới đóng đầy đủ phí và đúng hạn theo quy định trong Hợp đồng /Giấy chứng nhận bảo hiểm.
2. Trường hợp chuyển quyền sở hữu xe được bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm mặc nhiên có hiệu lực đối với chủ xe mới trừ trường hợp chủ xe cũ yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm

1. Hợp đồng bảo hiểm/giấy chứng nhận bảo hiểm chấm dứt trong trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm đã thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm giao kết ban đầu và BHV không có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm theo quy định pháp luật.
Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ phải thanh toán phí bảo hiểm tương ứng với thời hạn thanh toán phí bảo hiểm cho BHV đến thời điểm chấm dứt hợp đồng.
2. Đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm
 - Trong thời hạn bảo hiểm, một trong hai bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm theo quy định pháp luật bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên kia.
 - Trường hợp chủ xe chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước hạn phải thông báo bằng văn bản cho **BHV**. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của chủ xe cơ giới, **BHV** phải hoàn lại cho chủ xe 70% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. **BHV** không phải hoàn phí bảo hiểm trong trường hợp đã xảy ra sự kiện bảo hiểm.
 - Trường hợp **BHV** đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng bảo hiểm, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày **BHV** thông báo bằng văn bản cho chủ xe cơ giới, **BHV** phải hoàn lại phí bảo hiểm cho chủ xe tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ xe, người điều khiển xe

1. Khi yêu cầu bảo hiểm, chủ xe hoặc người đại diện của chủ xe phải kê khai đầy đủ, trung thực những nội dung trong Giấy yêu cầu bảo hiểm.
2. Tạo điều kiện thuận lợi để **BHV** xem xét tình trạng xe trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.
3. Trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, chủ xe cơ giới phải thông báo cho **BHV** trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó.

- 3.1. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì chủ xe có quyền yêu cầu **BHV** giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong vòng 5 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí của chủ xe, **BHV** phải có công văn trả lời chủ xe về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí và thời hạn hoàn trả phí bảo hiểm được giảm.
Trong trường hợp **BHV** không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì chủ xe có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy tắc này.
- 3.2. Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì **BHV** có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp chủ xe không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì **BHV** có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy tắc này.
4. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
5. Khi xảy ra tổn thất, chủ xe/người điều khiển xe phải có trách nhiệm:
Thông báo ngay cho **BHV** để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất; đồng thời thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất (trừ trường hợp bất khả kháng).
 - 5.1. Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của **BHV**; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
 - 5.2. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), chủ xe phải thông báo tổn thất bằng văn bản cho **BHV**.
6. Chủ xe phải trung thực trong việc thu thập, cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho **BHV** trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.
7. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, chủ xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của **BHV** để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho **BHV** kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với **BHV** để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được **BHV** bồi thường.
8. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được **BHV** chấp thuận bồi thường, chủ xe/người điều khiển xe sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản bị thay thế cho **BHV**.
9. Khi xe cơ giới bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, chủ xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và **BHV** được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng của cơ quan công an và **BHV**.

Điều 5. Trách nhiệm của BHV

1. Giải thích cho chủ xe/người điều khiển xe về quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe/người điều khiển xe khi tham gia bảo hiểm;
2. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày làm việc trong trường hợp **BHV** phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp **BHV** không đủ thẩm quyền để xác minh các yếu tố trong hồ sơ hoặc chờ kết luận của cơ quan chức năng có thẩm quyền thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày **BHV** có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh, kết luận mà chưa có kết quả xác minh, kết luận từ cơ quan chức năng có thẩm quyền thì **BHV** phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường.
3. Trường hợp từ chối bồi thường, **BHV** phải giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày **BHV** nhận được đầy đủ hồ sơ bồi thường hợp lệ.
4. Phối hợp chặt chẽ với chủ xe/người điều khiển xe và cơ quan chức năng để giải quyết tổn thất;
5. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của chủ xe/người điều khiển xe, **BHV** sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng ngay một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.

6. **BHV** có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập tài liệu để lập hồ sơ bồi thường theo quy định tại Điều 7 Quy tắc này.
7. **BHV** có trách nhiệm đánh giá lại rủi ro và định phí bảo hiểm trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của hợp đồng bảo hiểm

Điều 6. Giám định tổn thất

1. Khi xảy ra tổn thất, **BHV** hoặc người được **BHV** ủy quyền sẽ tiến hành giám định các tổn thất về tài sản với sự có mặt của chủ xe/người điều khiển xe, các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký của các bên liên quan. **BHV** chịu trách nhiệm về chi phí giám định.
2. Trường hợp chủ xe/người điều khiển xe không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại do **BHV** xác định, hai bên trung cầu giám định độc lập thực hiện việc giám định. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được việc trung cầu giám định độc lập thì một trong các bên được quyền khởi kiện tại Tòa án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của chủ xe/người điều khiển xe để chỉ định giám định độc lập. Kết luận bằng văn bản của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.
3. Trường hợp kết luận của giám định độc lập khác với kết luận giám định của **BHV**, **BHV** phải trả chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định độc lập trùng với kết luận giám định của **BHV**, chủ xe/người điều khiển xe phải trả chi phí giám định độc lập.
4. Trong trường hợp đặc biệt, **BHV** không thể thực hiện được việc giám định thì **BHV** có trách nhiệm hướng dẫn chủ xe/người điều khiển xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

1. Tài liệu do chủ xe cung cấp:
 - 1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường của chủ xe (theo mẫu của **BHV**);
 - 1.2. Tài liệu liên quan đến xe, người điều khiển xe (bản sao có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên **BHV** sau khi đã đối chiếu với bản chính) như sau:
 - a. Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm và các thỏa thuận khác bằng văn bản (nếu có);
 - b. Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe hợp lệ của người điều khiển xe bị tổn thất;
 - c. Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, ủy quyền sử dụng xe (nếu có);
 - d. Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ (trừ trường hợp xe lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam.)
 - 1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về tài sản, bao gồm:
 - a. Hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại
 - b. Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà chủ xe đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm.
 - 1.4. Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải);
 - 1.5. Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có);
 - 1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho **BHV** đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe được bảo hiểm mà chủ xe đã được **BHV** giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).
2. Tài liệu **BHV** phối hợp với chủ xe để thu thập:
 - 2.1. Bản sao có xác nhận của cơ quan công an trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, bao gồm:
 - a. Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn (nếu có);
 - b. Sơ đồ hiện trường tai nạn, bản ảnh (nếu có);
 - c. Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn (nếu có);

- d. Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có);
 - e. Biên bản giải quyết tai nạn (nếu có); Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có);
 - f. Kết quả định giá, giám định tổn thất/tài sản của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- 2.2 Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có);
- 2.3 Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.
3. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).
4. Trường hợp xe bị mất trộm, mất cướp toàn bộ, NĐBH/Chủ xe cung cấp:
- a. Đơn trình báo mất trộm, mất cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an;
 - b. Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;
 - c. Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp ô tô được bảo hiểm;
 - d. Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị mất cắp, mất cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an.

Điều 8. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm. Tổng số tiền bồi thường của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/ hợp đồng bảo hiểm không vượt quá tổng số tiền thiệt hại thực tế của xe cơ giới. Việc giải quyết bồi thường thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Đối với những điều kiện bảo hiểm trùng của các hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm: **BHV** chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà chủ xe/người điều khiển xe đã tham gia bảo hiểm.
2. Đối với những điều kiện bảo hiểm không trùng nhau của các Giấy chứng nhận bảo hiểm/hợp đồng bảo hiểm, **BHV** chịu trách nhiệm bồi thường theo từng hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

Điều 9. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường.
2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của **BHV** là 90 ngày kể từ ngày chủ xe nhận được thông báo bồi thường của **BHV**. Quá thời hạn nêu trên, **BHV** sẽ không giải quyết khiếu nại. Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.
3. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.
4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm, nếu **BHV** và chủ xe không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án tại Việt Nam giải quyết.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 10. Phạm vi bảo hiểm

1. **BHV** chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe cơ giới những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác ngoài xe cơ giới), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe, bị các vật thể khác rơi vào;
 - 1.2. Hỏa hoạn, cháy, nổ;
 - 1.3. Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên: Bão, lũ, lụt, ngập lụt, sụt lở, sét đánh (trực tiếp), động đất, mưa đá.
 - 1.4. Mất toàn bộ xe do trộm, cướp
2. Ngoài số tiền bồi thường, **BHV** còn hoàn trả cho chủ xe cơ giới những chi phí cần thiết và hợp lý theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của doanh nghiệp bảo hiểm khi xảy ra tổn thất (thuộc phạm vi bảo hiểm), tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm và bao gồm các chi phí:

- 2.1. Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm;
 - 2.2. Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 5% số tiền bảo hiểm.
3. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của BHV (bao gồm cả chi phí) đối với một vụ và tổng số vụ tổn thất trong suốt thời hạn bảo hiểm sẽ không vượt quá số tiền bảo hiểm (hay mức trách nhiệm bảo hiểm) ghi trên Hợp đồng/Giấy chứng nhận bảo hiểm

Điều 11: Loại trừ bảo hiểm

BHV không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

1. Hành động cố ý gây thiệt hại của chủ xe, người điều khiển xe và những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, khai thác và sử dụng xe
2. Tại thời điểm xe tham gia giao thông xảy ra tổn thất, thiệt hại, xe không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ hợp lệ theo quy định của pháp luật hiện hành;
3. Người điều khiển xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe cơ giới bắt buộc phải có Giấy phép lái xe. Trường hợp người điều khiển xe bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn hoặc không thời hạn thì được coi là không có Giấy phép lái xe.
4. Người điều khiển xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, sử dụng ma túy và chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.
5. Xe đi vào đường cấm, khu vực cấm, biển cấm, đường ngược chiều, rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, vượt đèn đỏ hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe đi đêm không sử dụng hoặc không có thiết bị chiếu sáng theo quy định.
6. Đua xe (hợp pháp hoặc trái phép); xe được bảo hiểm dùng để kéo xe khác không tuân thủ quy định của pháp luật.
7. Xe chờ hàng trái phép theo quy định của pháp luật.
8. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam (BHV sẽ xem xét nhận bảo hiểm nếu bên mua có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung);
9. Tổn thất xảy ra trong trường hợp: chiến tranh và các nguyên nhân tương tự chiến tranh như nội chiến, đình công, bạo động dân sự; khủng bố;
10. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa (bao gồm cả chạy thử), cứu hộ và do vật thể trong xe tác động lên mà không phải do đâm va lật đổ
11. Tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (BHV sẽ xem xét nhận bảo hiểm nếu bên mua có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung);
12. Tổn thất đối với săm lốp, bạt thùng xe, nhãn mác trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn;
13. Mất bộ phận của xe do bị trộm hoặc bị cướp (BHV sẽ xem xét nhận bảo hiểm nếu bên mua có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung);
14. Mất toàn bộ xe trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe (xe cho thuê hoặc xe cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp), trừ khi có thỏa thuận khác;
15. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào (kể cả sét);
16. Xe chở quá tải, quá số lượng người quy định từ 50% trở lên theo giấy chứng nhận kiểm định;
17. Điều khiển xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 50% trở lên;

18. Tổn thất về các thiết bị chuyên dùng trên xe cơ giới và tổn thất về xe cơ giới do hoạt động (trong mọi trường hợp) của các thiết bị chuyên dùng của chính xe cơ giới gây ra. Thiết bị chuyên dùng theo Quy tắc này được hiểu là các thiết bị dùng để: nâng, bốc, dỡ hàng, làm vệ sinh, trộn bê tông, ... với điều kiện các thiết bị đó chỉ được gắn liền với chiếc xe đã được **BHV** bảo hiểm và tự động không thuộc phạm vi bảo hiểm khi thiết bị chuyên dùng tách rời khỏi chiếc xe đó.
19. Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe: hệ thống báo động, cản trước, cản sau) và tổn thất về xe cơ giới do các thiết bị lắp thêm trên xe ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp gây ra (BHV sẽ xem xét nhận bảo hiểm nếu bên mua có nhu cầu tham gia bảo hiểm và đã đóng phí bảo hiểm bổ sung).
20. Xe cùng chủ, trừ khi các xe cùng chủ này có tham gia thêm bảo hiểm Trách nhiệm dân sự tại **BHV** hoặc tham gia thêm điều khoản bổ sung Bảo hiểm trách nhiệm xe cùng chủ.

Điều 12. Số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm (giá thị trường)

1. Số tiền bảo hiểm là số tiền mà chủ xe cơ giới yêu cầu **BHV** bảo hiểm cho xe của mình và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm và không lớn hơn giá thị trường của xe.
2. Chủ xe cơ giới có thể thỏa thuận tham gia bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá trị thị trường của xe.
3. **BHV** xác định giá trị của xe tham gia bảo hiểm như sau:
 - 3.1. Đối với xe mới (100%), giá trị của xe là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
 - 3.2. Đối với xe ô tô đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng, giá trị của xe là giá xe mới (100%) nhân (x) với tỷ lệ (%) chất lượng còn lại được xác định trong tờ khai hải quan nhập khẩu.
 - a. Tỷ lệ (%) tối thiểu chất lượng còn lại của xe tham gia bảo hiểm được xác định như sau:
 - Thời gian đã sử dụng từ 12 tháng trở xuống: 100%;
 - Thời gian đã sử dụng từ trên 12 tháng đến dưới 36 tháng: 85%;
 - Thời gian đã sử dụng từ 36 tháng đến dưới 72 tháng: 70%;
 - Thời gian đã sử dụng từ 72 tháng đến dưới 120 tháng: 55%;
 - Thời gian đã sử dụng từ 120 tháng trở lên: 40%.
 - b. Thời gian sử dụng xe là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu tại Việt Nam đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài, thì thời gian sử dụng tính từ tháng một của năm sản xuất đến tháng giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Điều 13. Bồi thường

1. Bồi thường tổn thất bộ phận
 - 1.1. **BHV** chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả sau khi áp dụng mức khấu trừ (nếu có).
 - 1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:
 - a. Trường hợp xe được bảo hiểm dưới giá trị, số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị thị trường (có tính khấu hao thời gian sử dụng) của xe tại thời điểm giao kết hợp đồng;
 - b. Trường hợp xe được bảo hiểm bằng hoặc trên giá trị, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe bị tổn thất. Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận hư hỏng phải thay thế mới áp dụng theo quy định tại Điều 1.2.c, Khoản 1, Điều 13 của Quy tắc này.
 - c. Trường hợp hợp đồng bảo hiểm không quy định xe được bảo hiểm theo Điều khoản bổ sung thay thế mới, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ xác định chi phí hợp lý để thay thế mới bộ phận hư hỏng bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao tính theo tỷ lệ khấu hao theo tỷ lệ khấu hao được quy định tại Phụ lục 1 của Quy tắc này.
 - 1.3. Doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe nếu trên 50% diện tích sơn của xe bị hư hỏng do tổn thất.

2. Bồi thường tổn thất toàn bộ
 - 2.1. **BHV** bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe bị thiệt hại trên 75% giá trị thực tế; hoặc chi phí sửa chữa thiệt hại bằng hoặc trên 75% giá trị trường (có tính khấu hao thời gian sử dụng) của xe tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế.
 - 2.2. **BHV** có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe bị mất trộm, mất cướp khi có kết luận của cơ quan công an đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ khởi tố hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp của chính chiếc xe đó.
 - 2.3. Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá thị trường (có tính khấu hao thời gian sử dụng) của xe tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế cùng chủng loại và thông số kỹ thuật và không vượt quá số tiền ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm.
3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi **BHV** đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe đó thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, cụ thể:

 - 3.1. Đối với trường hợp bồi thường thay mới bộ phận, **BHV** sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).
 - 3.2. Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi **BHV** đã thay thế hoặc trả tiền bồi thường thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất thuộc sở hữu của **BHV**. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị thì **BHV** thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp chủ xe có yêu cầu nhận lại chiếc xe bị tổn thất toàn bộ, **BHV** sẽ giảm số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe bị tổn thất theo định giá của **BHV**.
 - 3.3. Đối với trường hợp bồi thường xe bị mất trộm, mất cướp sau đó tìm được xe bị mất trộm, mất cướp thì **BHV** được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe đó.

Điều 14. Mức khấu trừ

1. Mức khấu trừ là số tiền được ấn định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi và mọi vụ tổn thất bộ phận của xe tham gia bảo hiểm vật chất xe tại **BHV**.
2. **BHV** áp dụng mức khấu trừ tối thiểu là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/vụ đối với xe không kinh doanh và 1.000.000 (một triệu) đồng/vụ đối với xe kinh doanh. Trường hợp áp dụng mức khấu trừ cao hơn, mức khấu trừ sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Điều 15. Giảm trừ bồi thường

1. **BHV** thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:
 - 1.1. Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
 - a. Chủ xe cơ giới không gửi Thông báo tổn thất (bằng văn bản) cho **BHV** trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đã được **BHV** giám định thiệt hại trong thời gian này).
 - b. Chủ xe cơ giới không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho **BHV**.
 - c. Chủ xe cơ giới đỗ trên địa hình dốc nhưng không sử dụng hệ thống phanh hoặc hệ thống phanh bị hư hỏng, không hoạt động, mất phanh, chèn bánh để xe tự trôi gây tổn thất.
 - d. Điều khiển xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 01% đến dưới 20%.
 - 1.2. Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:
 - a. Chủ xe cơ giới tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của **BHV** (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
 - b. Điều khiển xe vượt quá tốc độ cho phép và có kết luận bằng văn bản của cơ quan chức năng xác định vượt quá từ 20% trở lên đến dưới 50%.
 - 1.3. Giảm 50% đến 80% số tiền bồi thường trong các trường hợp: Tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho **BHV**; Chủ xe cơ giới không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho **BHV** trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó;

- 1.4. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chờ quá trọng tải, số người (từ trên 10% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định.
- 1.5. Giảm số tiền bồi thường theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:
 - a. Chủ xe cơ giới kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm sai (không đúng mục đích sử dụng của xe) làm thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định;
 - b. Chủ xe cơ giới không thông báo cho **BHV** trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (như chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá xe).
2. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường
Khi chủ xe cơ giới bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, **BHV** sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

PHỤ LỤC I

BẢNG TỶ LỆ KHẤU HAO BỘ PHẬN

(Ban hành kèm theo Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô)

CHƯƠNG I. Đối với các loại xe thông dụng:

1. Xe còn giá trị từ 85% trở lên hoặc xe sử dụng dưới 36 tháng không tính khấu hao sử dụng;
2. Xe còn giá trị từ 70% đến dưới 85% hoặc xe đã sử dụng từ 36 tháng đến dưới 72 tháng tính khấu hao sử dụng 15%;
3. Xe còn giá trị trên 50% đến dưới 70% hoặc xe đã sử dụng từ 72 tháng đến dưới 120 tháng tính khấu hao sử dụng 25%;
4. Xe đã sử dụng từ 120 tháng đến 180 tháng tính khấu hao sử dụng 35 %;
5. Xe đã sử dụng trên 180 tháng tính khấu hao 50%.

CHƯƠNG II. Đối với các loại xe khác: Đầu kéo, Taxi, xe cho thuê tự lái, xe khách liên tỉnh

Mức tính khấu hao tất cả các bộ phận là 150% so với các mức khấu hao của các loại xe thông dụng tại **mục I** trên. Đối với những xe sử dụng từ 1 năm đến 3 năm áp dụng khấu hao 15%. Đối với những xe sử dụng dưới 1 năm không tính khấu hao.

CHƯƠNG III. Quy định khác:

Một số bộ phận như: Săm lốp, ắc quy, bạt phủ (thùng xe tải) hoặc những bộ phận thay thế theo định kỳ như: Gioăng, phốt, lọc gió, lọc dầu, lọc xăng, vòng bi ... phải tính phần trăm giá trị đã sử dụng tối đa không quá 50%

Lưu ý:

- Số tháng, năm để tính khấu hao được xác định kể từ tháng, năm sản xuất của xe.
- Trường hợp phụ tùng thay thế mới đã được thay thế một lần thì thời gian tính khấu hao tính từ thời điểm thay thế gần nhất đến khi bị tổn thất (*Tuy nhiên lần thay thế trước phải là thay thế mới và có đầy đủ chứng từ để chứng minh việc thay thế mới này*).
- Tất cả các xe không mua điều khoản bảo hiểm bổ sung thay thế mới hoặc có năm sử dụng trên 15 năm đều áp dụng các quy định trên.

PHỤ LỤC II
CÁC ĐIỀU KHOẢN BẢO HIỂM BỔ SUNG
(Ban hành kèm theo Quy tắc bảo hiểm vật chất xe ô tô)

- Chủ xe cơ giới có quyền lựa chọn tham gia thêm một hay nhiều điều khoản bảo hiểm bổ sung được quy định trong Quy tắc bảo hiểm. Điều khoản bảo hiểm bổ sung phải tuân theo các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ quy định của Quy tắc bảo hiểm.

- Ngoài các điều kiện riêng trong từng điều khoản bảo hiểm bổ sung, chủ xe cơ giới khi tham gia điều khoản bảo hiểm bổ sung phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Chủ xe cơ giới phải đang tham gia bảo hiểm vật chất xe còn thời hạn bảo hiểm tại BHV;
- + Thời hạn bảo hiểm bổ sung không vượt quá thời hạn bảo hiểm vật chất xe đang còn hiệu lực.

Trên cơ sở Chủ xe cơ giới yêu cầu và đã đóng thêm phí bảo hiểm theo quy định, BHV nhận bảo hiểm bổ sung vào Giấy chứng nhận bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm các điều khoản bảo hiểm bổ sung riêng biệt sau đây:

Mã điều khoản	Tên điều khoản	Quy định bắt buộc
AU001.BHV	Bảo hiểm mới thay cũ.	Xe có thời gian sử dụng từ 3 năm đến 15 năm kể từ năm sản xuất
AU002.BHV	Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa	Xe được sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam, có hệ thống đại lý ủy quyền Số năm tính từ năm sản xuất đến năm tham gia bảo hiểm không quá 10 năm
AU003.BHV	Bảo hiểm thuê xe trong thời gian sửa chữa	80% chi phí thuê xe thực tế, không quá 500.000đồng/ngày. Tối đa 30 ngày/năm bảo hiểm
AU004.BHV	Bảo hiểm vật chất xe đối với xe tạm nhập, tái xuất	
AU005.BHV	Bảo hiểm ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam	Trong phạm vi các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia
AU006.BHV	Bảo hiểm thiệt hại động cơ do hiện tượng thủy kích	20% số tiền tổn thất nhưng tối thiểu là 3.000.000 đồng/vụ, tùy vào số nào tới trước
AU007.BHV	Bảo hiểm trách nhiệm xe cùng chủ	
AU008.BHV	Bảo hiểm xe tập lái	Thuộc các trường dạy lái chuyên nghiệp.
AU009.BHV	Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận	20% số tiền tổn thất nhưng tối thiểu là 2.000.000 đồng/vụ, tùy vào số nào tới trước
AU010.BHV	Bảo hiểm vật chất xe cơ giới lưu hành tạm thời	Có giấy phép lưu hành tạm thời trong thời gian ngắn (không quá 15 ngày trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản)
AU011.BHV	Bảo hiểm tổn thất từ thiết bị chuyên dùng	

1. Bảo hiểm thay thế mới (bảo hiểm mới thay cũ) (mã số AU001.BHV)

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm:

Xe có thời gian sử dụng từ 3 năm đến 15 năm kể từ năm sản xuất;

b. Quyền lợi bảo hiểm:

BHV sẽ bồi thường các bộ phận bị hư hỏng cần phải thay thế thuộc phạm vi bảo hiểm mà không trừ phần hao mòn (khấu hao) sử dụng.

2. Bảo hiểm lựa chọn cơ sở sửa chữa (Mã số AU002.BHV)

Quyền lợi bảo hiểm: **BHV** đồng ý chấp nhận cơ sở sửa chữa (garage) mà chủ xe lựa chọn ở thời điểm ký kết hợp đồng bảo hiểm.

3. Bảo hiểm thuê xe trong thời gian sửa chữa (bảo hiểm gián đoạn sử dụng xe) (Mã số AU003.BHV)

a. Điều kiện xe tham gia bảo hiểm:

Xe ô tô chở người không kinh doanh vận tải dưới 7 chỗ ngồi

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- **BHV** sẽ thanh toán cho chủ xe chi phí thuê xe sử dụng trong thời gian sửa chữa do tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, không tính thời gian xe bị cơ quan chức năng giữ.
- Chi phí thuê xe được thanh toán: Chi phí thuê xe cùng công năng sử dụng, chủng loại tương tự chiếc xe được bảo hiểm của chủ xe; **BHV** sẽ thanh toán 80% chi phí thuê xe thực tế, không quá 500.000 đồng/ngày.
- Thời gian thanh toán chi phí thuê xe tối đa không quá: 30 ngày/năm bảo hiểm.

c. Mức miễn thường có khấu trừ:

Chi phí thuê xe 4 ngày tính từ ngày xảy ra tổn thất tính cả thời gian bị cơ quan chức năng thu giữ.

4. Bảo hiểm vật chất đối với xe miễn thuế, tạm nhập, tái xuất (Mã số AU004.BHV)

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

- Xe tạm nhập vào Việt Nam sau đó xuất sang nước ngoài.
- Xe miễn thuế
- Xe của cơ quan ngoại giao

b. Quyền lợi bảo hiểm:

- Trường hợp xe bị tổn thất bộ phận: **BHV** bồi thường chi phí thực tế hợp lý để sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xe tham gia bảo hiểm đúng giá trị với số tiền bảo hiểm tương đương với xe cùng loại đã tính các loại thuế.
- Trường hợp xe bị tổn thất toàn bộ hay toàn bộ ước tính: **BHV** bồi thường cho chủ xe số tiền bằng giá trị tham gia bảo hiểm (giá chưa tính các loại thuế) của chiếc xe đó tại thời điểm xe bị thiệt hại.

c. Điều kiện bồi thường: Xe phải được sửa chữa trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

5. Bảo hiểm vật chất xe cơ giới ngoài lãnh thổ Việt Nam (Mã số AU005.BHV)

a. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

Chủ xe cơ giới có Giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với xe cơ giới tham gia bảo hiểm theo quy định của pháp luật giao thông đường bộ;

b. Quyền lợi bảo hiểm:

BHV bồi thường các tổn thất về xe cơ giới trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia xe cơ giới Việt Nam được phép tham gia giao thông.

c. Loại trừ bảo hiểm:

Mất xe do bị trộm hoặc cướp tại các quốc gia tham gia bảo hiểm (ngoài lãnh thổ Việt Nam).

6. Bảo hiểm tổn thất của động cơ khi xe hoạt động trong khu vực bị ngập nước (Mã số AU006.BHV)

a. Quyền lợi bảo hiểm:

BHV sẽ trả tiền bồi thường chi phí sửa chữa, thay thế những thiệt hại thực tế của động cơ do xe hoạt động trong vùng đang bị ngập nước hoặc nước lọt vào động cơ gây ra hiện tượng thủy kích.

b. Mức khấu trừ:

20% số tiền bồi thường và tối thiểu 3.000.000 đồng/vụ, tùy thuộc vào số nào lớn hơn.

7. Bảo hiểm trách nhiệm xe cùng chủ (Mã số AU007.BHV)

BHV chấp nhận bồi thường trong trường hợp xe được bảo hiểm bị thiệt hại do xe cùng chủ gây ra với điều kiện phải đóng thêm Phụ phí bảo hiểm.

Trên cơ sở tuân thủ các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ của Quy tắc kết hợp về bảo hiểm vật chất xe ô tô do **BHV** ban hành.

8. Bảo hiểm xe tập lái (Mã số AU008.BHV)

Theo điều khoản bổ sung này, **BHV** đồng ý mở rộng bảo hiểm cho các xe sử dụng để tập lái của các Trung tâm đào tạo lái xe có giấy phép hoạt động, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, **BHV** sẽ không bồi thường cho các trường hợp sau: Học viên không có Giấy phép tập lái xe tập lái; Xe tập lái chở người, hàng trên xe trái quy định, chạy sai tuyến đường, thời gian quy định trong giấy phép tập lái; Xe tập lái không bố trí giáo viên thực hành ngồi bên cạnh người tập lái; Xe không có biển “Tập lái” theo quy định; Xe tập lái không trang bị thêm bộ phận hãm phụ theo quy định.

Trên cơ sở tuân thủ các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ của Quy tắc kết hợp về bảo hiểm xe vật chất ô tô do **BHV** ban hành.

9. Bảo hiểm xe bị mất trộm, cướp bộ phận (Mã số AU009.BHV)

a. **Phạm vi bảo hiểm:** Xe bị mất trộm, cướp bộ phận.

b. **Quyền lợi bảo hiểm:**

- **BHV** chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế, hợp lý để thay thế bộ phận bị tổn thất hoặc trả bằng tiền cho chủ xe cơ giới để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí khắc phục tổn thất có thể phải trả.
- Giới hạn số lần mất trộm/cướp : 01 lần cho mỗi bộ phận đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn đến 1 năm (không quá 2 lần/năm).

c. **Mức miễn thường tối thiểu:**

20% tổn thất và tối thiểu 2.000.000 đồng/vụ, tùy số nào lớn hơn.

10. Bảo hiểm vật chất xe cơ giới lưu hành tạm thời (Mã số AU010.BHV)

a. Phạm vi bảo hiểm: Tổn thất về xe cơ giới lưu hành trong thời gian từ xưởng sản xuất, kho hải quan đến nơi giao nhận xe, hoặc từ kho hải quan đến nơi giao nhận xe.

b. Điều kiện tham gia bảo hiểm:

Điều khoản này áp dụng cho xe mới xuất xưởng và xe nhập khẩu:

- Xe mới xuất xưởng phải có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng;
- Xe nhập khẩu từ kho, cảng phải có Chứng chỉ chất lượng xe nhập khẩu và hồ sơ hoàn tất thủ tục hải quan;

c. Thời hạn bảo hiểm: Không quá 15 ngày (trừ khi có thoả thuận khác);

d. Loại trừ bảo hiểm: Xe bị tổn thất do lỗi kỹ thuật.

11. Bảo hiểm tổn thất từ thiết bị chuyên dùng (Mã số AU011.BHV)

Theo điều khoản bổ sung này, **BHV** đồng ý mở rộng bồi thường cho những hư hỏng hay tổn thất phát sinh trực tiếp từ quá trình vận hành các thiết bị chuyên dùng trên xe cơ giới gây ra cho chính chiếc xe đó (không bảo hiểm cho tổn thất của chính thiết bị chuyên dùng).

Và, **BHV** sẽ không bồi thường cho các trường hợp sau:

- Thiết bị chuyên dùng của xe không bảo đảm an toàn kỹ thuật theo quy định của pháp luật.
- Người điều khiển xe/thiết bị chuyên dùng không có Giấy phép/Chứng chỉ ...điều khiển thiết bị chuyên dùng phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Người điều khiển xe/thiết bị chuyên dùng cố tình vi phạm các quy định, quy trình vận hành thiết bị chuyên dùng.

Trên cơ sở tuân thủ các điều khoản, điều kiện và các điểm loại trừ của Quy tắc kết hợp về bảo hiểm vật chất xe ô tô do **BHV** ban hành.